

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2023/HS-ST
Ngày: 06-02-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Cao

Bà Nguyễn Thị Oanh Thy

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 97/2022/TLST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 01 năm 2023, đối với bị cáo:

Trần Văn T1, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Ấp Bà Ph, xã Bình Th, huyện Thủ Th, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: không; Giới tính: nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Trần Văn T và bà Phan Thị Th; Bản thân có vợ tên Nguyễn Thị T (đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2009; Tiền án, tiền sự: không có.

Nhân thân: Tại Bản án số: 138/2013/HSST ngày 09/12/2013, Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xử phạt bị cáo Trần Văn T1 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2022 cho đến nay (có mặt).

- Bị hại:

1. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1957 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp 3, xã Thạnh Đ, huyện Bến L, tỉnh Long An.

2. Ông Trần Văn Th, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Ấp 1, xã Nhị T, huyện Thủ Th, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 31/7/2022, Trần Văn T1 sau khi đã sử dụng rượu, bia trên đường điều khiển xe mô tô biển số 62G1-386.13 về nhà. Khi đến đoạn đường thuộc xóm Đình, ấp 4, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức, tỉnh Long An; T1 nhìn thấy bà Huỳnh Thị T đang chạy xe đạp điện bán vé số, T1 chạy đến hỏi mua vé số thì bà T dừng lại, đưa xấp vé số gồm 55 tờ vé số các loại, gồm: 18 tờ vé số của Công ty XSKT tỉnh Tiền Giang; 24 (hai mươi bốn) tờ vé số của Công ty XSKT tỉnh Kiên Giang; 13 (mười ba) tờ vé số của Công ty XSKT tỉnh Lâm Đồng, cùng mở xổ số ngày 31/7/2022 cho T1 đang ngồi trên xe mô tô vẫn còn nổ máy chọn vé số thì T1 nảy sinh ý định chiếm đoạt 55 tờ vé số của bà T nên T1 cầm xấp vé số tay trái, tay phải tăng ga nhanh chóng bỏ chạy.

Sau khi giật được 55 tờ vé số của bà T, T1 điều khiển xe theo đường Công vụ rẽ trái khoảng 50m về hướng huyện Thủ Thừa. Trên đường Công vụ cấp Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương thuộc ấp 4, xã Thạnh Đức, T1 nhìn thấy ông Trần Văn Th đang chặt chuối ven đường nên dừng xe lại, xe vẫn nổ máy, T1 ngồi trên xe mời ông Th mua vé số nhưng ông Th nói không có tiền. Lúc này, T1 hỏi mượn điện thoại của ông Th, khi ông Th móc điện thoại di động Samsung J2, màu vàng đồng (đã bị vỡ màn hình), cầm trên tay định đưa cho T1 mượn thì T1 giật điện thoại trên tay ông Th, tăng ga bỏ chạy. Qua trích xuất Camera an ninh, Công an xã Thạnh Đức triệu tập T1 lên làm việc thì T1 thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 74/KL-HĐĐG ngày 21/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bến Lức, tiến hành định giá và kết luận: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J2, màu vàng đồng (đã bị vỡ màn hình), trị giá 1.750.000đồng; 18 tờ vé số của Công ty XSKT tỉnh Tiền Giang; 24 (hai mươi bốn) tờ vé số của Công ty XSKT tỉnh Kiên Giang; 13 (mười ba) tờ vé số của Công ty XSKT tỉnh Lâm Đồng, cùng mở xổ số ngày 31/7/2022, trị giá 550.000đồng; tổng giá trị là 2.300.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Văn Th trình bày: Ngày 31/7/2022, ông Th đang chặt chuối ven đường thì bị cáo T1 đến mời ông mua vé số và hỏi mượn điện thoại di động của ông để gọi nhờ, khi ông đưa 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J2, màu vàng đồng cho bị cáo mượn thì bất ngờ bị cáo T1 giật lấy điện thoại trên tay của ông bỏ chạy. Tài sản này, ông đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức đã trả lại nên ông không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự; về trách nhiệm hình sự, ông đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Huỳnh Thị T trình bày: Ngày 31/7/2022, bà T đưa cho bị cáo 55 tờ vé số các loại để bị cáo T1 lựa vé số để mua, trong lúc lựa vé số, bị cáo T1 bất ngờ tăng ga bỏ chạy. Về trách nhiệm dân sự, bà yêu cầu bị

cáo T1 bồi thường số tiền 550.000đồng; về trách nhiệm hình sự, bà đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Bị cáo Trần Văn T1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu. Hành vi của bị cáo bị truy tố về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là đúng tội bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 02/CT-VKSBL ngày 19/12/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Trần Văn T1 về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức vẫn giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn T1 phạm tội “Cướp giật tài sản”; áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Trần Văn T1 từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

- Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp tạo thu nhập nên đề nghị căn cứ khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự, không xử phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Ông Th không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự nên đề nghị không xét đến. Bà T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 550.000đồng và được bị cáo đồng ý. Do đó, đề nghị căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

- Về xử lý vật chứng của vụ án, đề nghị căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo thun trắng không có cổ áo; 01 (một) quần short bằng vải màu xám; 01 (một) đôi dép màu xanh, quai ngang màu sọc trắng xanh;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 62G1-386.13;

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo và những người tham gia

tổ tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo và bị hại đã được thông báo bản kết luận định giá tài sản số: 74/KL-HĐĐG ngày 21/9/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Bến Lức. Bị cáo và bị hại thống nhất, không khiếu nại về giá; không yêu cầu định giá lại.

Tại phiên tòa, bị hại vắng mặt nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về hành vi của bị cáo: Bị cáo T1 khai nhận tại tòa, khoảng 15 giờ 00 phút ngày 31/7/2022, bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 62G1-386.13 trên đường về nhà, khi đến đoạn đường thuộc xóm Đình, ấp 4, xã Thạnh Đức, huyện Bến Lức thì nhìn thấy bà T đang bán vé số, bị cáo hỏi mua vé số, khi bà T đưa cho bị cáo xấp vé số gồm 55 tờ vé số các loại thì bị cáo tăng ga bỏ chạy. Sau đó, bị cáo điều khiển xe đi trên đường Công vụ cấp Cao tốc Thành phố Hồ Chí Minh - Trung Lương thuộc ấp 4, xã Thạnh Đức thì nhìn thấy ông Th đang chặt chuối ven đường nên dừng xe lại mời ông Th mua vé số nhưng ông Th không mua. Bị cáo hỏi mượn điện thoại của ông Th, khi ông Th móc 01 điện thoại di động Samsung J2, màu vàng đồng đưa cho bị cáo mượn, bị cáo giật lấy điện thoại của ông Th tăng ga bỏ chạy. Lời khai nhận tội của bị cáo tại tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người có đầy đủ năng lực, đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nhưng với bản chất tham lam, động cơ mục đích vụ lợi; bị cáo lợi dụng việc bà T, ông Th sơ hở trong việc quản lý tài sản; sau khi bị cáo tiếp cận được tài sản của bà T, ông Th đã dùng xe mô tô biển số 62G1-386.13 là phương tiện nguy hiểm, tăng ga bỏ chạy với mục đích nhanh chóng tẩu thoát. Tài sản bị cáo chiếm đoạt của bà T, ông Th trị giá 2.300.000đồng. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ là quyền về tài sản của bà T, ông Th. Như vậy, hành vi này của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cướp giật tài sản”; tội danh và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo tỏ thái độ thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, Hội đồng xét xử có xem xét, áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự như:

Bị cáo từng phục vụ trong quân đội; bị cáo có bác ruột là ông Trần Văn M được Nhà nước phong tặng danh hiệu Liệt sĩ; gia đình bị cáo đang thờ cúng Mẹ Việt Nam anh hùng bà Lê Thị Đ là bà nội của bị cáo.

[5] Về hình phạt: Hành vi của bị cáo đã thực hiện gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội tại địa phương; bản thân bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo từng bị Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo không nhìn nhận hành vi của bị cáo, lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện sự xem thường pháp luật. Xét tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên cần áp dụng mức hình phạt tương xứng, nghiêm khắc và cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Tuy nhiên, khi lượng hình phạt Hội đồng xét xử có xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã phân tích tại mục [4] để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật và giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình, xã hội. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù là phù hợp với tính chất của vụ án và phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có công việc tạo thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự, không xử phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Văn Th không yêu cầu bị cáo phải bồi thường về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét đến. Bà T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 550.000đồng và được bị cáo đồng ý. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự ghi nhận sự tự nguyện này của bị cáo.

[8] Về vật chứng, tang vật của vụ án:

01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung J2, màu vàng đồng (đã bị vỡ màn hình) là tài sản của ông Th. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Bến Lức đã trả lại các tài sản này cho ông Th là phù hợp;

01 (một) áo thun trắng không có cổ áo; 01 (một) quần short bằng vải màu xám; 01 (một) đôi dép màu xanh, quai ngang màu sọc trắng, xanh của bị cáo T1. Tại tòa, bị cáo T1 từ chối nhận lại và các tài sản này không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử tịch thu tiêu hủy;

01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 62G1-386.13 của bị cáo Trần Văn T1 là phương tiện bị cáo thực hiện hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử tịch thu sung vào ngân sách nhà nước;

[9] Về án phí: Bị cáo Trần Văn T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn T1 phạm tội “Cướp giật tài sản”;

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 03/8/2022.

Căn cứ khoản 1, 3 Điều 329 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo Trần Văn T1 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (là ngày 06/02/2023) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự;

Buộc bị cáo Trần Văn T1 có nghĩa vụ bồi thường cho bà Huỳnh Thị T số tiền 550.000đồng (năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng, tang vật của vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) áo thun trắng không có cổ áo; 01 (một) quần short bằng vải màu xám; 01 (một) đôi dép màu xanh, quai ngang màu sọc trắng, xanh;

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 62G1-386.13 của bị cáo Trần Văn T1;

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bị cáo Trần Văn T1 phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 332, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo có mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND huyện Bến Lức;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cơ quan CSĐT CA huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- Lưu: Ấn văn, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Đông